Mẫu 1
14/2014/TT-BKHCN

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Nếu nhiệm vụ có mang nội dung bí mật nhà nước, đóng dấu xác định độ mật của nhiệm vụ tại đây)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 30 tháng 06 năm 2016

PHIẾU THÔNG TIN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1	Tên Đề tài/Dự án: Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm giống lúa thuần BQ ngắn ngày có năng suất, chất lượng trên địa bàn tỉnh Hải Dương				
2	Cấp quản lý nhiệm vụ:	☐ Quốc gia	☐ Bộ	☒ Tỉnh	☐ Cơ sở
3	Mức độ bảo mật:	☒ Bình thường	☐ Mật	☐ Tối mật	☐ Tuyệt mật
4	Mã số nhiệm vụ (nếu có): NN.07.TTTV.15-16				
5	Tên tổ chức chủ trì: **TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TBKH HẢI DƯƠNG** *Họ và tên thủ trưởng:* Nguyễn Cao Đam Chức vụ: Giám đốc *Địa chỉ:* số 207 đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương *Điện thoại:* 03203 893 149. *Website:* *Tỉnh/thành phố:* Hải Dương *Fax:* 03203 893 149				
6	Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Hải Dương				
7	Chủ nhiệm nhiệm vụ: Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thủy Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chức vụ: Trưởng phòng Công nghệ sinh học Điện thoại: 0978 317 060 E-mail: *Giới tính:Nữ* *Chức danh khoa học:* Kỹ sư nông học *Fax:*				
8	Danh sách cá nhân tham gia đề án (ghi họ tên, chức danh khoa học và học vị): 1. Nguyễn Thị Hồng Thủy 2. Trịnh Thị Hiếu 3. Nguyễn Cao Đam 4. Trương Thị Thùy Vân 5. Phạm Thị Nhung 6. Cán bộ kỹ thuật tại 02 cơ sở				
9	**Mục tiêu nghiên cứu:** - Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm giống lúa thuần BQ ngắn ngày trên địa bàn tỉnh Hải Dương, để bổ sung vào tập đoàn lúa năng suất, chất lượng của tỉnh. - Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh các giống lúa BQ phù hợp với điều kiện canh tác tại Hải Dương.				
10	**Tóm tắt nội dung nghiên cứu chính trong năm 2016:** ***Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm giống lúa thuần BQ*** - Qui mô: 40 ha + Vụ xuân: 20ha + Vụ mùa: 20 ha Giống đối chứng là giống có đặc điểm tương tự, dự kiến giống Thiên Ưu 8 (Vụ chiêm				

	xuân), giống BC 15 (vụ Mùa) - Địa điểm: tại các huyện Thanh Miện, Ninh Giang. - Qui trình kỹ thuật áp dụng: Áp dụng theo quy trình kỹ thuật của nhà chọn tạo giống cung cấp - Theo dõi chỉ tiêu sinh trưởng phát triển, năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất, khả năng chống chịu của giống thuần BQ lúa so với giống lúa thuần khác trong sản xuất đại trà + Theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển và các yếu tố cấu thành năng suất như: chiều cao cây, số dảnh/bông, số bông/m^2, số hạt/bông, tỷ lệ hạt lép %, P1000 hạt, năng suất (tạ/ha). + Theo dõi khả năng chống chịu: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, khô vằn, đạo ôn, bạc lá, chống đổ. - Đánh giá chất lượng gạo bằng cảm quan và phân tích chất lượng so với giống đối chứng. ***Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh giống lúa thuần BQ phù hợp với điều kiện canh tác tại Hải Dương*** ***Tuyên truyền kết quả mô hình:*** Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạp chí và xây dựng băng đĩa để hướng dẫn nông dân áp dụng khuyến cáo mở rộng sản xuất ở những năm sau.
11	**Lĩnh vực nghiên cứu**[(3)]: Khoa học Nông nghiệp
12	**Mục tiêu kinh tế xã hội của nhiệm vụ**[(4)]**:** ***Hiệu quả đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ*** Bổ sung giống mới vào cơ cấu giống lúa, tăng khả năng chống chịu như giống chống rét, bệnh, giống thích hợp thâm canh ở chân vàn, vàn thấp góp phần tăng hiệu quả sản xuất và giá trị hàng hoá thúc đẩy sự phát triển, hình thành vùng sản xuất lúa hàng hóa. ***25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu:*** Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ KHCN; giúp cho chủ nhiệm Đề tài, cán bộ khoa học công nghệ cơ sở có điều kiện tiếp cận và tiếp nhận công nghệ giống mới, kỹ thuật thâm canh tiên tiến trên cơ sở đó áp dụng vào chỉ đạo sản xuất có hiệu quả. Thông qua đề tài hàng trăm lượt hộ nông dân được đào tạo ngoài việc tiếp thu được giống mới, kỹ thuật mới vào sản xuất còn chủ động trao đổi, đề xuất những sáng kiến góp phần tăng hiệu quả trong sản xuất. ***25.3 Đối với kinh tế - xã hội*** Xây dựng mô hình trên cơ sở tập quán canh tác địa phương tất cả mọi chi phí sản xuất, các biện pháp thâm canh đều như nhau nghĩa là mọi chi phí như đất đai, lao động, vật tư, phân bón... đều như nhau nhưng năng suất cao hơn (5- 10% giống đang gieo cấy phổ biến tại địa phương) có chất lượng gạo tương đương, dễ canh tác hơn. Đồng thời làm đa dạng cơ cấu giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
13	**Phương pháp thực hiện:** **-** Phương pháp chuyên gia, thông qua chuyên gia đầu ngành là Giáo sư tiến sĩ Trần Duy Quý cùng đơn vị phối hợp thực hiện – Viện Nghiên cứu Hợp tác Khoa học Kỹ thuật Châu á-Thái Bình Dương. - Phương pháp bố trí thí nghiệm theo ô thửa lớn - Đánh giá bằng phương pháp so sánh + Theo dõi đánh giá các chỉ tiêu như sinh trưởng, phát triển, sâu bệnh gây hại, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất + Phương pháp theo dõi, lấy số liệu: Quan sát đánh giá bằng mắt thường các đặc điểm hình thái; lấy số liệu thống kê các chỉ tiêu sinh trưởng theo phương pháp nông học thông dụng; thống kê năng suất thực thu của các hộ tham gia sản xuất lúa. - Đánh giá chất lượng gạo: bằng phương pháp phân tích mẫu

	- Phương pháp xử lý số liệu: sử dụng phần mềm Excel. *Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước*
14	**Sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến**: - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống lúa BQ giúp người dân dễ áp dụng trong sản xuất đại trà. - Bài báo làm tài liệu, dễ áp dụng, tham khảo ở một số địa phương. - Mô hình sản xuất giống lúa chất lượng BQ cho hiệu quả kinh tế tăng 10-25 % so với giống thông thường trong sản xuất đại trà (giống đối chứng)
15	**Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến**: - Các huyện, xã tham gia đề tài là nơi đã từng triển khai khảo nghiệm, trình diễn và sản xuất giống lúa mới, có kinh nghiệm triển khai về các đề tài nông nghiệp, nhiệt tình tham gia. - Nông dân triển khai đề tài là những người có kinh nghiệm trồng lúa - Tổ chức thực hiện đề tài có khả năng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất - Các địa điểm triển khai đề tài là các cơ sở có đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng như: diện tích đồng ruộng, giao thông, thông tin liên lạc …
16	Thời gian thực hiện: 2016
17	Kinh phí được phê duyệt: Tổng kinh phí: 233.000.000 đ
18	Quyết định phê duyệt: số 235/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2016
19	Hợp đồng thực hiện: số 08/2016/HĐ-NN ngày 22/ 01/ 2016